

KẾT LUẬN THANH TRA

VỀ VIỆC CHẤP HÀNH LUẬT NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TẠI ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Quyết định số 02/QĐ-TTr, ngày 01 tháng 3 năm 2023 của Chánh thanh tra huyện Cư Jút về việc thanh tra chấp hành Luật ngân sách Nhà nước tại UBND xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 14/7/2023 của Đoàn thanh tra, ý kiến giải trình của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

Chánh Thanh tra huyện kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Xã Ea Pô cách trung tâm huyện khoảng 15 km; phía Bắc giáp huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk; phía Đông giáp sông Srêpôk và xã Hòa Xuân, tỉnh Đắk Lắk; phía Tây giáp xã Đắk Wil và xã Đắk Drông, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; phía Nam giáp xã Nam Dong, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông; xã có tổng diện tích tự nhiên 9.477,24 ha; dân số toàn xã 3.083 hộ với 12.895 nhân khẩu; có 11 dân tộc anh em cùng sinh sống xen kẽ trong 21 thôn và 01 cụm dân cư; có 03 tôn giáo chính Phật giáo, Tin lành và thiên chúa giáo; ngành nghề chủ yếu làm nông nghiệp, chăn nuôi và dịch vụ buôn bán nhỏ lẻ.

Trong 02 năm (2021-2022), tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh, diễn biến phức tạp; thời tiết biến động thất thường làm ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh và đời sống nhân dân trên địa bàn xã. Trước tình hình đó Đảng ủy, HĐND và UBND xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác phòng, chống dịch bệnh, thiên tai song song với thực hiện phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo đảm an sinh xã hội cho nhân dân. Với tinh thần quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị và nhân dân; bằng các biện pháp linh hoạt, đồng bộ và thích ứng an toàn trong phòng chống dịch; các hoạt động sản xuất, kinh doanh cũng được duy trì, kinh tế trên toàn địa bàn xã được giữ vững.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Về thu ngân sách địa phương (chi tiết phụ lục số 01 kèm theo)

- Tổng thu ngân sách xã năm 2021: 14.874.417.645 đồng/9.698.000.000 đồng, đạt 153,4% dự toán huyện và HĐND xã giao, bao gồm:

+ Thu các loại thuế, phí: 2.412.009.158 đồng/1.675.000.000 đồng, đạt 144% dự toán.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 11.446.940.000 đồng/8.023.000.000 đồng, đạt 142,7%/dự toán.

+ Thu đóng góp xây dựng: 1.740.000 đồng.

+ Thu kết dư ngân sách năm trước: 661.728.487 đồng.

+ Thu chuyển nguồn: 352.000.000 đồng.

- Tổng thu ngân sách xã năm 2022: 15.162.914.260 đồng/7.551.000.000 đồng, đạt 200,8% dự toán huyện và HĐND xã giao, bao gồm:

+ Thu các loại thuế, phí: 3.711.891.827 đồng/3.075.000.000 đồng, đạt 120,7% dự toán.

+ Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 9.270.270.500 đồng/4.476.000.000 đồng, đạt 207% dự toán.

+ Thu kết dư ngân sách năm trước: 1.159.468.446 đồng.

+ Thu chuyển nguồn: 1.021.283.487 đồng.

***Nhận xét**

Đơn vị đã có nhiều nỗ lực cố gắng trong việc tổ chức thu ngân sách địa phương, các khoản thu cơ bản bảo đảm theo quy định của pháp luật; số thu ngân sách hàng năm thực hiện khá cao, nhất là các khoản thu thuế, phí đã khai thác được các nguồn thu phát sinh; thu bổ sung từ cấp trên để chi chế độ, định mức, chính sách được ngân sách bổ sung kịp thời; sử dụng hóa đơn, biên lai thu đúng quy định của pháp luật, nộp các khoản thu kịp thời, đầy đủ vào kho bạc nhà nước; định kỳ quyết toán các khoản thu theo quy định.

- Năm 2021: Tổng thu từ các loại thuế, phí: 2.412.009.158 đồng/1.675.000.000 đồng, đạt 144% dự toán. Trong đó, một số sắc thuế thu đạt khá cao (Phí, lệ phí 138.637.000 đồng/60.000.000 đồng, đạt 231,1% dự toán; Lệ phí trước bạ 591.441.365 đồng/250.000.000 đồng, đạt 236,6% dự toán; Thuế thu nhập doanh nghiệp 1.201.003.681 đồng/615.000.000 đồng, đạt 195,3% dự toán; thu bổ sung từ cấp trên 11.446.940.000 đồng/8.023.000.000 đồng, đạt 142,7% dự toán).

- Năm 2022: Tổng thu từ các khoản thuế, phí: 3.711.891.827 đồng/3.075.000.000 đồng, đạt 120,7% dự toán. Trong đó, một số sắc thuế thu đạt cao (Phí, lệ phí 158.408.000 đồng/60.000.000 đồng, đạt 264% dự toán; Lệ phí trước bạ 1.021.959.472 đồng/480.000.000 đồng, đạt 212,9% dự toán; Thuế thu nhập doanh

nghiệp 1.210.003.176 đồng/555.500.000 đồng, đạt 217,8% dự toán; thu khác ngân sách 45.750.000 đồng/20.000.0000 đồng, đạt 228,8% dự toán; thu bổ sung từ cấp trên 9.270.270.500 đồng/4.476.000.000 đồng, đạt 207,1% dự toán).

Mặc dù thực hiện thu ngân sách trên địa bàn khá tốt. Tuy nhiên còn một số tồn tại hạn chế đó là

- Một số khoản thu chưa đạt so với dự toán (năm 2021: Thuế GTGT đạt 65,3%, thu khác đạt 20 %; năm 2022: Thuế GTGT đạt 65,1%).

- Việc lập và giao dự toán một số sắc thuế chưa sát với thực tế, chưa căn cứ vào số thu của năm trước để làm cơ sở lập dự toán cho năm sau, số giao dự toán năm sau thấp hơn nhiều so với đơn vị đã thu được của năm trước như:

Năm 2021: Phí, lệ phí thu được số tiền 138.637.000 đồng, năm 2022 giao dự toán 60.000.000 đồng, số tiền thấp hơn 78.637.000 đồng, tỷ lệ 131,1%; Lệ phí trước bạ thu được số tiền 591.441.365 đồng, năm 2022 giao dự toán 480.000.000 đồng, số tiền thấp hơn 111.441.365 đồng, tỷ lệ 23,2%; Thuế thu nhập doanh nghiệp thu được số tiền 1.201.003.681đồng, năm 2022 giao dự toán 555.500.000 đồng, số tiền thấp hơn 645.503.681đồng, tỷ lệ 116,2%.

Nguyên nhân tồn tại, hạn chế

Qua làm việc với UBND xã và Chi cục thuế, trong thời gian qua do dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, kéo dài nên đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến việc kinh doanh, buôn bán trên toàn địa bàn xã, thực hiện công tác chống dịch các hộ kinh doanh phải đóng cửa đã ảnh hưởng đến một số khoản thu chưa đạt dự toán được giao. Việc lập dự toán một số sắc thuế thấp hơn số đơn vị đã thực hiện của năm trước là do nguồn thu không ổn định, trong năm 2021, thị trường về bất động sản trên địa bàn huyện tăng cao, trong đó có xã EaPô một số sắc thuế thu vượt khá cao, nên không lấy kết quả thực hiện của năm trước làm cơ sở lập dự toán cho năm sau, sẽ ảnh hưởng đến cân đối nguồn, khó khăn cho quản lý, điều hành ngân sách địa phương.

2. Về chi ngân sách (chi tiết có phụ lục số 01 kèm theo)

- Năm 2021, tổng chi ngân sách địa phương, số tiền 13.714.949.199 đồng, đạt 141,4% dự toán huyện giao và HĐND xã giao, trong đó: Chi thường xuyên 11.824.685.712 đồng, đạt 138,7% dự toán giao; chi đầu tư xây dựng cơ bản 700.000.000 đồng, đạt 100% dự toán giao; chi dự phòng 168.980.000 đồng, đạt 84,5% dự toán; chi chuyển nguồn sang năm sau 1.021.283.487 đồng.

- Năm 2022, tổng chi ngân sách địa phương, số tiền 14.575.612.725 đồng, đạt 193% dự toán huyện giao và HĐND xã giao, trong đó: Chi thường xuyên 10.187.153.487đồng, đạt 141,9% dự toán giao; chi đầu tư xây dựng cơ bản

84.000.000đồng, đạt 100% dự toán; chi chương trình mục tiêu quốc gia 832.511.000 đồng; chi dự phòng 160.000.000 đồng, đạt 100% dự toán; chi chuyển nguồn sang năm sau 3.308.548.238 đồng; chi nộp trả ngân sách cấp trên 3.400.000đồng.

2.1. Chi thường xuyên

Trong 02 năm đơn vị thực hiện, số tiền là: 22.011.839.199 đồng (năm 2021, số tiền 11.824.685.712 đồng, đạt 138,7%; năm 2022, số tiền 10.187.153.487 đồng, đạt 141,9%).

*** Nhật xét**

Về cơ bản đơn vị thực hiện công tác chi theo quy định của pháp luật, quy chế chi tiêu nội bộ; hàng năm tỷ lệ chi đều tăng so với dự toán huyện giao (năm 2021, tăng 38,7%; năm 2022, tăng 41,9%). Việc chi thường xuyên đơn vị thực hiện bảo đảm đáp ứng được nhu cầu hoạt động của bộ máy Nhà nước, tổ chức Đảng, tổ chức chính trị xã hội, nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, trật tự và chính sách an sinh xã hội. Chi ngân sách đơn vị thực hiện đúng chế độ, định mức, tiêu chuẩn, đối tượng; sử dụng nguồn kinh phí kịp thời, đúng mục đích theo quy định.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại, hạn chế đó là

Chi chưa đảm bảo trong dự toán được giao, chi cho một số lĩnh vực, ban, ngành vượt dự toán khá cao (năm 2021: Chi quản lý nhà nước vượt 32%, Hội Liên hiệp Phụ nữ vượt 34%, Chi quốc phòng, an ninh vượt 20,5%, thể dục thể thao vượt 162,7%, Hội đồng nhân dân 150%, sự nghiệp xã hội vượt 1.139,7%; năm 2022: Chi quản lý nhà nước vượt 16,53%, Đảng ủy vượt 20,53%, Hội Liên hiệp Phụ nữ vượt 213,94%, Hội Cựu chiến binh vượt 79,97%, Hội Nông dân vượt 18,92%, Chi quốc phòng, an ninh vượt 58,9%, sự nghiệp môi trường vượt 26,7%, sự nghiệp xã hội vượt 1.697,59%); bên cạnh đó chi cho một số lĩnh vực, ban, ngành giảm dự toán được giao cũng cao (năm 2021: Giáo dục đào tạo và dạy nghề giảm 56%, sự nghiệp môi trường vượt 31,9%, Hội Cựu chiến binh giảm 17%, Hội nông dân giảm 11%, tổ chức xã hội 25%; năm 2022: Giáo dục đào tạo và dạy nghề giảm 56,8%).

Nguyên nhân của hạn chế

Qua giải trình của UBND xã, chi cho số lĩnh vực, ban, ngành vượt dự toán cao là do trong năm một số nhiệm vụ, lĩnh vực phát sinh chưa bố trí trong dự toán đầu năm, trong năm được ngân sách cấp trên bổ sung kinh phí để đơn vị thực hiện như: Chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19; thực hiện nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; chương trình MTQG; bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; huấn luyện dân quân

theo NQ68/2020 của tỉnh; tổ chức đại hội TDTT cấp xã; đại hội Hội phụ nữ xã nhiệm kỳ 2021-2026; kinh phí nghỉ việc cho công chức; huấn luyện dân quân theo NQ16/2020 của tỉnh, diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2022; Đại hội các chi bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2022-2025; phụ cấp cho Chủ tịch Hội cựu chiến binh, Chủ tịch Hội Phụ nữ xã...

Việc chi cho một số lĩnh vực, ban ngành giảm so với dự toán giao là do ảnh hưởng tình hình dịch bệnh Covid-19 nên hoạt động một số ban, ngành, đoàn thể giảm; kinh phí cải cách tiền lương được bố trí nhưng chưa thực hiện, đơn vị đã chuyển nguồn sang năm sau cũng làm giảm dự toán của ban, ngành.

2.2. Chi đầu tư xây dựng

- Tổng chi trong 02 năm (2021- 2022) số tiền 784.000.000 đồng (cải tạo, sửa chữa tuyến đường thôn Tân Thành, xã Ea Pô, tuyến 1, từ ngã 3 nhà ông Tài đến đất nhà ông Quang), trong đó:

+ Năm 2021: 700.000.000 đồng, đạt 100% dự toán.

+ Năm 2022: 84.000.000 đồng, đạt 100% dự toán.

Trong 02 năm (2021- 2022), UBND xã không triển khai đầu tư xây dựng mới công trình, chủ yếu tập trung thanh toán nợ các công trình những năm trước đây. Tuy nhiên việc thanh toán nợ vẫn còn chậm.

2.3. Chi mua sắm tài sản

Trong 02 năm (2021- 2022), đơn vị đã thực hiện mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn với tổng số tiền 732.897.000 đồng (năm 2021, số tiền 482.399.000 đồng; năm 2022, số tiền 250.498.000 đồng).

*** Nhận xét**

Qua kiểm tra chứng từ, báo cáo, sổ sách và thực tế, cho thấy đơn vị đã thực hiện việc mua sắm theo đúng trình tự, thủ tục. Việc mua sắm tài sản được thực hiện theo đúng quy định tại quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/TT-BTC ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công như: Lập kế hoạch mua sắm và được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm, mua sắm được công khai, minh bạch, đăng ký mua sắm tập trung tại Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông theo quy định; quản lý, sử dụng tài sản được thực hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ; hồ sơ chứng từ đầy đủ; tài sản đúng chủng loại, số lượng; sử dụng đúng mục đích và phát huy tốt hiệu quả sử dụng.

Thực hiện công khai theo đúng quy định định tại khoản 2, Điều 121 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Việc huy động và sử dụng nguồn vốn đóng góp nhân dân

- Tổng thu trong 02 năm (2021- 2022): 32.135.000 đồng, trong đó (tồn kết dư năm 2020 mang sang, số tiền 30.395.000 đồng; thu trong năm 2021, số tiền 1.740.000 đồng).

- Tồn kết dư chuyển sang năm 2023: 32.135.000 đồng.

Trong 02 năm (2021-2022) UBND xã không triển khai huy động đóng góp xây dựng tại địa phương. Tập trung thu nợ đọng các khoản thu các năm trước để trả nợ các công trình.

4. Quản lý, sử dụng nguồn vốn bổ sung có mục tiêu (chi tiết có phụ lục số 02 kèm theo).

- Tổng dự toán kinh phí bổ sung có mục tiêu được cấp trong 02 năm, số tiền 10.538.849.500 đồng (năm 2021, số tiền 6.440.840.000 đồng; năm 2022, số tiền 4.098.0095.500 đồng)

- Số kinh phí đơn vị đã thực hiện trong 2 năm (2021-2022), số tiền 9.813.088.500 đồng (trong đó: Năm 2021, số tiền 6.283.079.000 đồng; năm 2022, số tiền 3.530.009.500 đồng).

- Số kinh phí chưa sử dụng, số tiền 725.761.000 đồng (trong đó: Tồn tại kết dư, số tiền 500.900.000 đồng; Chi chuyển nguồn qua năm sau, số tiền 224.861.000 đồng).

*** Nhận xét**

Đơn vị sử dụng nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu từ cấp trên đúng dự toán giao. Kinh phí bổ sung chủ yếu cho công tác phòng, chống dịch bệnh, hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng dịch Covid-19; đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phát thanh cho các thôn vùng sâu, vùng xa; một số chế độ, chính sách cho hoạt động của bộ máy đảng, chính quyền, đoàn thể. Việc sử dụng nguồn kinh phí được kịp thời, đúng mục đích, đúng đối tượng theo quy định; kết quả đã giải quyết một phần khó khăn cho người dân do đại dịch Covid-19 gây ra, đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị đáp ứng tiêu chí về xây dựng nông thôn mới, bảo đảm kinh phí hoạt động bình thường cho bộ máy của đảng, chính quyền, đoàn thể; các nguồn kinh phí đơn vị thực hiện bảo đảm đúng trình tự thủ tục, hồ sơ thanh quyết toán đầy đủ theo quy định.

5. Quản lý, sử dụng nguồn vốn bổ sung chương trình mục tiêu Quốc gia
(Có phụ lục số 3 chi tiết kèm theo)

- Tổng Kinh phí bổ sung có mục tiêu thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022, số tiền 2.170.261.000 đồng.

- Tổng kinh phí đơn vị thực hiện trong năm 2022, số tiền 832.511.000 đồng, (trong đó: Chương trình xây dựng nông thôn mới, số tiền 792.511.000 đồng; chương trình phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS và miền núi, số tiền 40.000.000 đồng).

- Số kinh phí chưa sử dụng chuyển nguồn: 1.337.750.000 đồng (trong đó: Chương trình xây dựng nông thôn mới, số tiền 977.750.000 đồng; chương trình giảm nghèo bền vững, số tiền 360.000.000 đồng).

*** Nhận xét**

Đơn vị sử dụng nguồn bổ sung đúng mục đích, đúng đối tượng được hỗ trợ theo quy định. Kết quả đầu tư góp phần đem lại hiệu quả thiết thực cho nhân dân địa phương.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại, hạn chế đó là

Một số dự án chương trình MTQG đơn vị triển khai chưa kịp thời để chuyển nguồn sang năm khá cao, số tiền 1.337.750.000 đồng (Chương trình phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, số tiền 977.750.000 đồng; chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, số tiền 360.000.000 đồng).

Qua giải trình của đơn vị, nguyên nhân do nguồn vốn phân bổ vào cuối năm (21/12/2022) đơn vị triển khai không kịp. Ngoài ra một số dự án bị tạm dừng triển khai vì chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện.

6. Quản lý và sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách (chi tiết phụ lục số 04 kèm theo)

- Số dư năm trước chuyển sang (2020) chuyển sang, số tiền: 517.946.220 đồng.

- Thu trong 02 năm, số tiền: 305.437.812 đồng, đạt 110,6% dự toán (năm 2021, số tiền 178.475.000 đồng, đạt 113,3% dự toán; năm 2022, số tiền 126.962.812 đồng, đạt 107% dự toán).

- Tổng chi trong 02 năm, số tiền: 505.362.480 đồng (năm 2021, số tiền 199.807.000 đồng; năm 2022, số tiền 305.555.480 đồng).

- Số tồn chưa sử dụng: 318.021.552 đồng.

*** Nhận xét**

Trong 02 năm, đơn vị triển khai thu khá tốt, kết quả thu hàng năm đều vượt dự toán (năm 2021, vượt 13,3%; năm 2022, vượt 7%); thực hiện quản lý và sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách cơ bản theo đúng quy định tại Điều 15 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn như: Thu, chi, mở sổ theo dõi riêng từng loại quỹ; hạch toán, quyết toán riêng từng quỹ; kinh phí của các quỹ chưa sử dụng hết trong năm được chuyển sang năm sau; báo cáo kết quả hoạt động hàng năm của từng quỹ cho Hội đồng nhân dân xã; sử dụng hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo quy định; thực hiện chế độ báo cáo tài chính theo quy định.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại, hạn chế đó là

Đơn vị sử dụng các loại quỹ chưa triệt, để tồn quỹ qua các năm còn cao, chưa phát huy hiệu quả sử dụng.

* Nguyên nhân: Đơn vị xây dựng kế hoạch thu chưa sát với nhu cầu chi, nên các loại quỹ đều còn tồn; đối với quỹ đền ơn đáp nghĩa và quỹ vì người nghèo do để đạt tiêu chí phân đấu xã đạt chuẩn Nông thôn mới trong năm 2020, chỉ tiêu về nhà ở cho hộ nghèo và hộ Chính sách có công do đó UBND xã đã triển khai thu để hỗ trợ xây dựng nhà ở cho đối tượng hộ nghèo và hộ Chính sách có công, tuy nhiên trong quá trình triển khai xây dựng UBND huyện đã hỗ trợ trực tiếp kinh phí xây nhà cho hai đối tượng hộ nghèo và hộ Chính sách có công nên số thu 02 loại quỹ trên UBND xã không sử dụng, dẫn đến tồn cao.

7. Sử dụng nguồn dự phòng

Tổng kinh phí đơn vị đã sử dụng trong 02 năm, số tiền 328.980.000 đồng, đạt 91,4% dự toán (năm 2021, số tiền 168.980.000 đồng; năm 2022, số tiền 160.000.000 đồng). cụ thể:

+ Năm 2021, chi số tiền 168.980.000 đồng, trong đó: Chi hỗ trợ tiền tết cho cán bộ, công chức, thôn và hộ nghèo là đồng bào DTTS, số tiền 18.000.000 đồng; chi đảm bảo ANTT trên địa bàn 80.000.000 đồng; chi công tác phòng, chống dịch Covid-19, số tiền 70.980.000 đồng.

+ Năm 2022, chi số tiền 160.000.000 đồng, trong đó: Chi hỗ trợ tiền tết cho cán bộ, công chức, thôn và hộ nghèo là đồng bào DTTS, số tiền 2.200.000 đồng; chi đảm bảo nhiệm vụ QPAN, số tiền 90.000.000 đồng; chi đảm bảo ANTT, số tiền 67.800.000 đồng.

*** Nhận xét**

Qua thanh tra cho thấy đơn vị đã sử dụng nguồn kinh phí dự phòng đảm bảo theo dự toán được bố trí đầu năm. Việc sử dụng đảm bảo theo quy định của Luật Ngân sách.

8. Sử dụng nguồn vượt thu

- Tổng số tiền vượt thu trong 02 năm: 1.373.900.985 đồng (năm 2021, số tiền 737.009.158 đồng; năm 2022, số tiền 636.891.827 đồng), trong đó:

+ Tổng số tiền vượt thu để lại cải cách tiền lương 70% trong 02 năm, số tiền 961.730.690 đồng (năm 2021, số tiền 515.906.411 đồng; năm 2022, số tiền 445.824.279 đồng).

+ Tổng số tiền vượt thu 30% để chi cho các hoạt động của đơn vị, số tiền 412.170.295 đồng (năm 2021, số tiền 221.102.747 đồng; năm 2022, số tiền 191.067.548 đồng).

- Số vượt thu đơn vị đã sử dụng trong năm 2021, số tiền 221.102.747 đồng (chi sửa chữa tuyến đường thôn quyết tâm, số tiền 170.713.000 đồng; chi hoạt động quản lý nhà nước và Đảng, số tiền 50.389.747 đồng).

- Tổng số tiền vượt thu trong 02 năm chưa sử dụng chuyển sang năm 2023, số tiền 1.152.798.238 đồng.

*** Nhận xét**

Đơn vị thực hiện nguồn vượt thu bảo đảm theo đúng quy định tại khoản 9, Điều 3 Thông tư 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và khoản 9, Điều 3 Thông tư 122/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, từ khâu trích lập và sử dụng nguồn vượt thu.

9. Công tác kế toán và quyết toán ngân sách

Đơn vị tổ chức và thực hiện công tác kế toán và quyết toán ngân sách bảo đảm theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý Ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; Chương V Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016, hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách và các văn bản quy định của pháp luật như: Thu, chi sử dụng biên lai, hóa đơn chứng từ hợp lệ; mở các loại sổ sách đầy đủ; phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; các khoản thu, chi được kiểm soát qua hệ thống kho bạc và được đối chiếu theo định kỳ hàng quý, năm; thực hiện chế độ báo cáo kế toán, quyết toán, và công khai ngân sách theo quy định.

10. Việc điều hành ngân sách

Việc quản lý, điều hành ngân sách về cơ bản đơn vị thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách, Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 Quy định về quản lý Ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn từ khâu lập dự toán, chấp hành dự toán, kế toán, quyết toán, công khai ngân sách; các khoản thu, chi theo đúng định mức, chế độ; sử dụng nguồn đúng nội dung, mục đích và đối tượng; chủ động cân đối ngân sách địa phương, sắp xếp ưu tiên cho nhiệm vụ quan trọng và các nhiệm vụ mới tăng thêm, bảo đảm nguồn thực hiện các chính sách an sinh xã hội; các khoản chi cho cá nhân và chính sách xã hội được bảo đảm theo quy định.

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Năm (2021-2022), tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, thách thức do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến sản xuất, chăn nuôi, kinh doanh của nhân dân trên địa bàn xã. Tuy nhiên với sự tinh thần quyết tâm, nỗ lực của cả hệ thống chính trị, nhân dân bằng các biện pháp linh hoạt, đồng bộ, thích ứng an toàn trong phòng chống dịch; các hoạt động sản xuất, chăn nuôi, kinh doanh đã được duy trì, kinh tế trên địa bàn được giữ vững.

Trong điều kiện còn khó khăn, UBND xã đã chủ động điều hành ngân sách bảo đảm cho mọi hoạt động của địa phương; tập trung tổ chức thu ngân sách bảo đảm cân đối nhiệm vụ chi của đơn vị, khai thác được nguồn thu mới phát sinh; sắp xếp ưu tiên cho nhiệm vụ chi quan trọng, nhiệm vụ mới tăng thêm, các chính sách an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng, trật tự được bảo đảm. Việc điều hành ngân sách cơ bản được thực hiện theo đúng quy định của Luật ngân sách, Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý Ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn từ khâu lập dự toán, chấp hành dự toán, kế toán, quyết toán, công khai ngân sách; các khoản thu, chi theo đúng định mức, chế độ; được kiểm soát chặt chẽ qua hệ thống kho bạc; sử dụng hóa đơn, chứng từ hợp lệ; sử dụng nguồn đúng nội dung, mục đích và đối tượng. Bên cạnh đó Chính quyền địa phương đã tích cực vận động nhân dân đóng góp các quỹ tài chính ngoài ngân sách bảo đảm cho một số hoạt động khác của địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc lập và giao dự toán thu một số sắc thuế hàng năm chưa sát với thực tế, chưa căn cứ vào số thu của năm trước để làm cơ sở lập dự toán cho năm sau, số giao dự toán năm sau thấp hơn nhiều so với đơn vị đã thu được của năm trước, chi tiết nêu trên (mục 1) kết quả kiểm tra, xác minh.

- Chi thường xuyên chưa đảm bảo trong dự toán được giao, chi một số lĩnh vực, ban, ngành vượt dự toán khá cao; bên cạnh đó chi cho một số lĩnh vực, ban,

ngành, đoàn thể giám dự toán được giao, chi tiết nêu trên (mục 2.1) kết quả kiểm tra, xác minh.

- Sử dụng nguồn vốn bổ sung chương trình mục tiêu Quốc gia một số dự án chưa kịp thời để chuyển nguồn vốn sang năm khác cao, chi tiết nêu trên (mục 5) kết quả kiểm tra, xác minh.

- Xây dựng kế hoạch thu các quỹ ngoài ngân sách chưa sát với nhu cầu chi, đề tồn quỹ hàng năm cao, chưa phát huy hiệu quả sử dụng nguồn thu của nhân dân đóng góp, chi tiết nêu trên (mục 6) kết quả thanh tra.

** Những tồn tại, hạn chế nêu ở phần kết luận trách nhiệm chính thuộc về Chủ tịch UBND xã EaPô trong công tác chỉ đạo, điều hành quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã. Trách nhiệm tiếp theo thuộc về bộ phận tài chính, kế toán xã có nhiệm vụ giúp chủ tịch UBND xã quản lý hoạt động thu, chi ngân sách xã và hoạt động tài chính khác của xã; thực hiện công tác lập dự toán, phân bổ, chấp hành, kế toán, quyết toán ngân sách xã và các quỹ của xã.*

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Đối với UBND huyện Cư Jút

Ban hành văn bản chỉ đạo UBND xã EaPô nghiêm túc thực hiện kết luận, các kiến nghị thanh tra.

2. Đối với UBND xã EaPô

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo các ngành chức năng của xã phối hợp chặt chẽ với cơ đội thuế trong công tác quản lý thu thuế, phí bảo đảm thu đúng, thu đủ và kịp thời theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; tập trung thu các hộ nợ đọng thuế quá hạn và thu đóng góp xây dựng các tuyến đường giao thông của các thôn thanh toán các công trình còn nợ đọng.

- Lập và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách sát với thực tế hơn, khai thác tối đa nguồn thu, bảo đảm nguồn cân đối ngân sách địa phương. Chi ngân sách phải được quản lý chặt chẽ trong phạm vi dự toán được phê duyệt; tăng cường triển khai kịp thời các chương trình mục tiêu quốc gia, phát huy hiệu quả nguồn vốn nhà nước đầu tư; triển khai thu, chi các loại quỹ tài chính ngoài ngân sách sát với nhu cầu thực tế hơn, thu đủ chi, tránh tình trạng đề tồn quỹ cao, sử dụng không hiệu quả nguồn thu của nhân dân đóng góp.

- Tổ chức điều hành ngân sách một cách chặt chẽ hơn, thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý và sử dụng ngân sách theo đúng Luật ngân sách Nhà nước và Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 Quy định về quản lý Ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn; thường xuyên kiểm,

giám sát việc thực hiện các quy định về thu ngân sách, quy định về quản lý huy động các khoản đóng góp của nhân dân và các hoạt động tài chính khác của xã để kịp thời phát hiện, chấn chỉnh hạn chế, sai sót trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát kịp thời phát hiện, chấn chỉnh, xử lý những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tổ chức rút kinh nghiệm đối với những tồn tại, hạn chế mà phạm vi kết luận đã nêu trên.

3. Đối với Chi cục Thuế khu vực Cư Jút- Krông Nô

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền xã trong công tác quản lý thuế, kiểm soát việc kê khai thuế của các doanh nghiệp, các hộ kinh doanh kê khai kịp thời, thu đúng, thu đủ, khai thác triệt để các nguồn thu để lập dự toán thu cho sát với thực tế; lập dự toán thu thuế căn cứ vào số thu của địa phương đã thực hiện của năm trước để làm cơ sở lập và giao dự toán giao cho năm sau, tránh tình trạng lập và giao dự toán thu năm sau tỷ lệ thấp hơn năm trước.

4. Đối với phòng tài chính- Kế hoạch

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn công tác thu, chi ngân sách xã bảo đảm theo quy định của pháp luật; cân đối ngân sách, tham mưu UBND huyện bố trí nguồn kinh phí đầu tư xây dựng theo cơ cấu từ nguồn vốn ngân sách hỗ trợ, để UBND xã thanh toán nợ các công trình, kịp thời sử dụng nguồn vốn đầu tư đóng góp của nhân dân được hiệu quả.

Trên đây là kết luận thanh tra việc chấp hành Luật Ngân sách tại UBND xã EaPô, huyện Cư Jút. Chánh Thanh tra báo cáo Chủ tịch UBND huyện để chỉ đạo và xử lý kịp thời./.

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh Đắk Nông;
- TT. Huyện uỷ;
- CT, các PCT. UBND huyện;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Lưu: VT, hồ sơ Đoàn TTr .

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Thị Mười



Phụ lục số 01

TỔNG HỢP THU, CHI NGÂN SÁCH XÃ

(Kèm theo Kế hoạch số 01/KL-TTr ngày 27/7/2023 của Chánh thanh tra huyện cư Jút)

Đơn vị tính: đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2021			Năm 2022		
		Dự toán	Thực hiện	Đạt %	Dự toán	Thực hiện	Đạt %
1	2	4	6	8	10	12	14
A	THU NS ĐỊA PHƯƠNG	9.698.000.000	14.874.417.645	153,4	7.551.000.000	15.162.914.260	200,8
I	Thu các loại thuế, phí	1.675.000.000	2.412.009.158	144,0	3.075.000.000	3.711.891.827	120,7
1	Phí, lệ phí	60.000.000	138.637.000	231,1	60.000.000	158.408.000	264,0
2	Lệ phí trước bạ	250.000.000	591.441.365	236,6	480.000.000	1.021.959.472	212,9
3	Thuế TNDN	615.000.000	1.201.003.681	195,3	555.500.000	1.210.003.176	217,8
4	Thuế GTGT	730.000.000	476.927.112	65,3	1.959.500.000	1.275.771.179	65,1
5	Thu khác	20.000.000	4.000.000	20,0	20.000.000	45.750.000	228,8
II	Đóng góp TN của các tổ chức, cá nhân	0	1.740.000				
II	Thu chuyển nguồn		352.000.000			1.021.283.487	
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước		661.728.487			1.159.468.446	
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.023.000.000	11.446.940.000	142,7	4.476.000.000	9.270.270.500	207,1
1	Bổ sung cân đối	5.006.100.000	5.006.100.000	100,0	3.002.000.000	3.002.000.000	100,0
2	Bổ sung có mục tiêu	3.016.900.000	6.440.840.000	213,5	1.474.000.000	6.268.270.500	425,3
B	CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	9.698.000.000	13.714.949.199	141,4	7.551.000.000	14.575.612.725	193,0
I	Chi thường xuyên	8.528.000.000	11.824.685.712	138,7	7.177.000.000	10.187.153.487	141,9
1	Chi giáo dục- đào tạo và dạy nghề	40.000.000	17.582.000	44,0	34.500.000	14.906.500	43,2
2	Chi quốc phòng, an ninh	1.010.484.000	1.217.914.392	120,5	945.230.000	1.501.655.188	158,9
4	Chi văn hóa TT	23.400.000	22.800.000	97,4	27.000.000	25.961.600	96,2
5	Chi phát thanh truyền hình, thông tin	315.300.000	313.539.000	99,4	15.000.000	0	-
6	Chi thể dục thể thao	17.100.000	44.919.000	262,7	17.000.000	15.895.040	93,5
7	Sự nghiệp môi trường	27.000.000	18.384.000	68,1	15.000.000	19.000.000	126,7
8	Sự nghiệp khoa học công nghệ	15.000.000	-	0			
9	Sự nghiệp kinh tế	1.777.000.000	1.911.438.000,0	108	759.000.000	1.134.749.000,0	149,51
10	Chi quản lý nhà nước, Đảng, Đoàn thể	5.168.663.000	6.616.266.435,0	128	5.285.270.000	6.057.257.339,0	114,61
10.1	Quản lý Nhà nước	2.772.943.000	3.660.986.647,0	132	2.688.536.000	3.132.908.942,0	116,53
10.2	Đảng Công sản Việt Nam	831.157.000	834.565.823,0	100	921.584.000	1.110.768.810,0	120,53
10.3	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam	607.558.000	566.760.420,0	93	585.842.000	572.100.500,0	97,65
10.4	Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM	142.495.000	129.867.692,0	91	174.676.000	149.659.701,0	85,68
10.5	Hội Liên hiệp Phụ nữ	71.168.000	95.406.522,0	134	36.368.000	114.175.329,0	313,94
10.6	Hội Cựu chiến binh	46.168.000	38.266.750,0	83	86.368.000	155.439.737,0	179,97
10.7	Hội Nông dân	110.940.000	98.621.244,0	89	124.676.000	148.267.684,0	118,92
10.8	Hội đồng nhân dân xã	429.686.000	1.073.895.337,0	250	534.908.000	542.052.636,0	101,34
10.9	Tổ chức xã hội (CTĐ, NCT)	156.548.000	117.896.000,0	75	132.312.000	131.884.000,0	99,68
11	Sự nghiệp xã hội	134.053.000	1.661.842.885	1.239,7	79.000.000	1.417.728.820	1794,59
12	Chi khác						
II	Chi đầu tư phát triển	700.000.000	700.000.000	100,0	84.000.000	84.000.000	100
	Chi ĐTXDCB	700.000.000	700.000.000	100,0	84.000.000	84.000.000	100
III	Chi chương trình mục tiêu	0	0	0	0	832.511.000	
1	CT mục tiêu quốc gia	0	0		0	832.511.000	
	- CT mục tiêu quốc gia XD nông thôn mới					792.511.000	
	- Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng ĐBDTTS và miền núi					40.000.000	
IV	Dự phòng chi	200.000.000	168.980.000	84,5	160.000.000	160.000.000	100
V	Tiết kiệm để cải cách tiền lương	270.000.000			130.000.000	0	
VI	Chuyển nguồn sang năm		1.021.283.487			3.308.548.238	
	Chi nộp trả ngân sách cấp trên					3.400.000	

TỔNG HỢP NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU NĂM 2021 - 2022
(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 27/7/2023 của Chánh Thanh tra huyện Cư Jút)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Số đã sử dụng	Số tồn	Ghi chú
A	Năm 2021	6.440.840.000	5.583.779.000	157.761.000	
I	Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất	700.000.000	700.000	-	
1	Thanh toán nợ sửa chữa, cải tạo tuyến đường thôn Tân Thành, xã EaPô, tuyến 1, dài 1.020m (Từ ngã 3 nhà ông Tài đến đất nhà ông Quang)	700.000.000	700.000	-	
II	Các mục tiêu nhiệm vụ, ngân sách tính bổ sung	5.740.840.000	5.583.079.000	157.761.000	-
1	Công trình mương thoát nước UBND xã EaPô	300.000.000	300.000.000	-	
2	Công trình nhà làm việc UBND xã EaPô	100.000.000	100.000.000	-	
3	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường thôn Tân Thành, xã Ea Pô, tuyến 3 dài 500m (Từ ngã 3 nhà Tỉnh đến đất nhà ông Trọng)	248.000.000	248.000.000	-	
4	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường thôn Tân Thành tuyến 2	43.000.000	43.000.000	-	
5	HTKP SNKT (duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đường giao thông, trồng, chăm sóc cây xanh,...)	200.000.000	200.000.000	-	
6	HTKP làm 2 công chào xã chuẩn Nông thôn mới	220.000.000	220.000.000	-	
7	Tiền quà người cao tuổi	40.000.000	40.000.000	-	
8	Phần mềm chống chèo thanh tra	15.000.000	15.000.000	-	
9	Bổ sung KP Quốc phòng do định mức không đảm bảo	152.000.000	152.000.000	-	
10	KP trang phục cho cấp ủy	24.900.000	24.000.000	900.000	Tồn kết dư
11	KP toàn dân xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư theo Thông tư 121/2017/TT-BTC	148.000.000	148.000.000	-	
12	HTKP trang bị các cụm loa đài thôn 1 Cồn Dầu và thôn Ba tầng	298.240.000	298.240.000	-	
13	Bổ sung để thực hiện một số chế độ chi tiêu, đảm bảo hoạt động của Đảng ủy, HĐND, UBND và các chế độ chính sách ngân sách địa phương không đảm bảo	500.000.000	500.000.000	-	
14	Tiền tết nguyên dân Tân Sửu (theo QĐ số 255, ngày 29/1/2021 của UBND huyện)	85.700.000	85.700.000	-	
15	Hỗ trợ làm nhà ở cho hộ nghèo năm 2021 (theo QĐ số 305, ngày 02/02/2021 của UBND huyện)	200.000.000	200.000.000	-	
16	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026 (theo QĐ số 1203, ngày 18/5/2021 của UBND huyện)	680.000.000	680.000.000	-	
17	- Hỗ trợ kinh phí huấn luyện dân quân năm 2021 (theo QĐ số 1237, ngày 20/5/2021 của UBND huyện)	200.000.000	200.000.000	-	
18	- Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (theo QĐ số 2598/QĐ-UBND, ngày 3/8/2021 của UBND huyện Cư Jút)	280.000.000	280.000.000	-	
19	Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (theo QĐ số 2997/QĐ-UBND, ngày 24/8/2021 của UBND huyện Cư Jút)	100.000.000	100.000.000	-	
20	Hỗ trợ kinh phí cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) trên địa bàn huyện Cư Jút theo QĐ số 1261/QĐ-UBND, ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông (QĐ số 3576/QĐ-UBND, ngày 15/10/2021 của UBND huyện Cư Jút)	411.000.000	411.000.000	-	
21	Hỗ trợ kinh phí cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) trên địa bàn huyện Cư Jút theo QĐ số 1261/QĐ-UBND, ngày 18/8/2021 của UBND tỉnh Đắk Nông (QĐ số 3695/QĐ-UBND, ngày 15/10/2021 của UBND huyện Cư Jút)	325.500.000	325.500.000	-	
22	Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (theo QĐ số 3731/QĐ-UBND, ngày 29/10/2021 của UBND huyện Cư Jút)	250.000.000	250.000.000	-	
23	- Hỗ trợ kinh phí cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) (theo QĐ số 3887/QĐ-UBND, ngày 11/11/2021 của UBND huyện Cư Jút)	352.500.000	352.500.000	-	

24	- Hỗ trợ kinh phí hộ kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính Phủ (QĐ số 3889/QĐ-UBND, ngày 12/11/2021 của UBND huyện Cư Jút)	27.000.000	27.000.000	-	
25	- Hỗ trợ kinh phí viết lịch sử Đảng bộ năm 2021 (QĐ số 4133/QĐ-UBND, ngày 20/12/2021 của UBND huyện Cư Jút)	100.000.000	-	100.000.000	Chuyển nguồn
26	- Hỗ trợ kinh phí hộ kinh doanh theo quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính Phủ (QĐ số 4218/QĐ-UBND, ngày 29/11/2021 của UBND huyện Cư Jút)	240.000.000	240.000.000	-	
27	- Hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 (theo QĐ số 4219/QĐ-UBND, ngày 29/11/2021 của UBND huyện Cư Jút)	200.000.000	143.139.000	56.861.000	Chuyển nguồn
B	Năm 2022	4.098.009.500	3.530.009.500	568.000.000	
I	Chi đầu tư XDCB	84.000.000	84.000.000	-	
1	- HTKP thanh toán nợ cải tạo, sửa chữa tuyến đường thôn Tân Thành, xã EaPô, tuyến 1 dài 1.020m (Từ ngã 3 nhà ông Tài đến đất nhà ông Quang)	84.000.000	84.000.000	-	
II	Các mục tiêu, nhiệm vụ, chế độ, chính sách khác	4.014.009.500	3.446.009.500,0	568.000.000,0	-
1	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường cấp phối thôn Phú Sơn, xã EaPô, tuyến 2 dài 181m (Từ đất nhà ông Ma Thức đến ngã 3 nhà Hội trường thôn)	243.720.000	243.720.000	-	
2	HTKP SNKT (duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các tuyến đường giao thông, trồng, chăm sóc cây xanh,...)	150.000.000	150.000.000	-	
3	HTKP phòng, chống dịch covid-19	150.000.000	150.000.000	-	
4	HTKP di dời công chèo nông thôn mới xã Ea Pô	352.849.000	352.849.000	-	
5	HTKP đại hội Cựu chiến binh, đại hội Đoàn thanh niên	100.000.000	100.000.000	-	
6	HTKP trang phục cho đại biểu HĐND xã	81.000.000	81.000.000	-	
7	KP viết lịch sử đảng bộ	99.000.000	99.000.000	-	
8	Bổ sung đề thực hiện một số chế độ chi tiêu, đảm bảo hoạt động của Đảng uỷ, HĐND, UBND và các chế độ chính sách ngân sách địa phương không đảm bảo	200.000.000	200.000.000	-	
9	Hỗ trợ cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) (theo QĐ số 69 ngày 12/01/2021 của UBND huyện Cư Jút)	1.500.000	1.500.000	-	
10	Hỗ trợ tiền tết nguyên đán Nhâm Dần năm 2022 (theo QĐ 181, ngày 20/01/2022 của UBND huyện Cư Jút)	121.600.000	121.600.000	-	
11	Bổ sung kinh phí hỗ trợ cho hộ kinh doanh (theo QĐ 219, ngày 25/01/2022 của UBND huyện Cư Jút)	42.000.000	42.000.000	-	
12	Bổ sung kinh phí hỗ trợ cho người điều trị Covid (F0), người cách ly y tế (F1), hỗ trợ thêm cho trẻ em (theo QĐ 294, ngày 17/2/2022 của UBND huyện Cư Jút)	580.440.000	580.440.000	-	
13	Bổ sung kinh phí Hỗ trợ hộ sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ người bán quà vật, buôn chuyển, kinh doanh lưu động, kinh doanh thời vụ, làm dịch vụ. (theo QĐ 347, ngày 24/2/2022 của UBND huyện Cư Jút)	669.000.000	669.000.000	-	
14	Bổ sung kinh phí chỉ huấn luyện dân quân và diễn tập chiến đấu phòng thủ năm 2022(theo QĐ 1411, ngày 14/6/2022 của UBND huyện Cư Jút)	300.000.000	300.000.000	-	
15	Bổ sung kinh phí khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới (theo QĐ 852, ngày 12/5/2022 của UBND huyện Cư Jút)	500.000.000	-	500.000.000	Tồn kết dư
16	KTKP chi trả trợ cấp thôi việc đối với công chức xã (theo QĐ 2748, ngày 9/12/2022 của UBND huyện Cư Jút)	40.900.500	40.900.500	-	
17	KTKP chi trả phụ cấp hàng tháng cho cán bộ hoạt động KCT cấp xã, thôn (theo QĐ 2748, ngày 9/12/2022 của UBND huyện Cư Jút)	299.000.000	299.000.000	-	
18	KTKP trang bị tài sản cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã (theo QĐ 2748, ngày 9/12/2022 của UBND huyện Cư Jút)	68.000.000	-	68.000.000	Chuyển nguồn
19	Thực hiện Kế hoạch mở đợt cao điểm "90 ngày đêm" triển khai các giải pháp tăng cường đẩy nhanh thực hiện luật cư trú năm 2020 và đề án 06/CP (theo QĐ 2910, ngày 26/12/2022 của UBND huyện Cư Jút)	15.000.000	15.000.000	-	
Tổng cộng		10.538.849.500	9.113.788.500	725.761.000	



**TỔNG HỢP CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
NĂM 2021-2022**

(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 27/7/2023 của Chánh Thanh tra huyện)

STT	Nội dung	Dự toán giao	Đã sử dụng	Tồn	Ghi chú
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	1.017.750.000	40.000.000	977.750.000	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	264.000.000	-	264.000.000	Chuyển nguồn
2	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	498.000.000	-	498.000.000	Chuyển nguồn
3	Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn	195.750.000	-	195.750.000	
4	Tiểu dự án 1: Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, dân tộc có khó khăn đặc thù	195.750.000	-	195.750.000	Chuyển nguồn
5	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	60.000.000	40.000.000	20.000.000	Chuyển nguồn
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	792.511.000	792.511.000	-	
1	Công trình: Nâng cấp, mở rộng khu trung tâm, xã Ea Pô	700.000.000	700.000.000	-	
2	Chi phí quản lý chương trình	92.511.000	92.511.000	-	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	360.000.000	-	360.000.000	
1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	360.000.000	-	360.000.000	Chuyển nguồn
Tổng cộng		2.170.261.000	832.511.000	1.337.750.000	

BẢNG TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC
(Kèm theo Kết luận số 01/KL-TTr ngày 27/7/2023 của Chánh thanh tra huyện Cư Jút)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Năm 2021					Năm 2022				
		Số dư năm trước	Dự toán giao	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn	Số dư năm trước	Dự toán giao	Thu trong năm	Chi trong năm	Tồn
1	2	3	4	5	6	7	10	11	12	13	14
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	252.459.820	0	1.370.000	60.200.000	193.629.820	193.629.820		370.000	53.195.000	140.804.820
2	Quỹ người cao tuổi	22.655.000	31.500.000	34.745.000	32.550.000	24.850.000	24.850.000	32.370.000	32.745.000	31.115.880	26.479.120
3	Quỹ vì người nghèo	187.451.400	0	8.890.000	28.100.000	168.241.400	168.241.400		1.220.000	62.444.000	107.017.400
4	Quỹ bảo trợ trẻ em	16.200.000	21.000.000	23.220.000	14.180.000	25.240.000	25.240.000	21.580.000	21.630.000	23.942.600	22.927.400
5	Quỹ Văn hóa - giáo dục thể thao	39.180.000	105.000.000	110.250.000	64.777.000	84.653.000	84.653.000	64.740.000	66.550.000	134.858.000	16.345.000
6	Lãi tiền gửi các quỹ								4.447.812	0	4.447.812
TỔNG CỘNG		517.946.220	157.500.000	178.475.000	199.807.000	496.614.220	496.614.220	118.690.000	126.962.812	305.555.480	318.021.552